TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 03-8-2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Binh;

2/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HN&GĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HN&GĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Tuyết X, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Số 326, đường ĐT 766, tổ 2, thôn 4, xã Th, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Ng, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Đường ĐT 766, tổ 1, thôn 1A, xã Tt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2019, chị X và anh Ng đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tt, huyện Đức Linh; sau khi kết hôn, chị X và anh Ng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị X và anh Ng bất đồng quan điểm sống; nay chị X xác định tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt, chị X và anh Ng đã sống ly thân và không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau; chị X xác định quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Ng không còn, mục đích hôn nhân không đạt và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ng.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị Tuyết X ly hôn anh Nguyễn Hoàng Ng.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Lương Thị Tuyết X khởi kiện ly hôn với bị đơn Nguyễn Hoàng Ng; bị đơn có nơi cư trú tại thôn 1A, xã Tt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã Tt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 11/4/2019, có căn

cứ khẳng định chị X và anh Ng tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Ng được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị X và anh Ng tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị X do giữa chị X và anh Ng bất đồng về quan điểm sống; sau khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, anh Ng biết việc chị X đang có đơn yêu cầu ly hôn anh Ng tại Tòa án, tuy nhiên anh Ng không có động thái nào tác động để chị X rút lại đơn khởi kiện và hàn gắn lại quan hệ hôn nhân của anh chị, để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Ng.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Ng đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X và anh Ng.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị X về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Tuyết X.

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Tuyết X ly hôn anh Nguyễn Hoàng Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã Tt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 11/4/2019, cấp cho chị Lương Thị Tuyết X và anh Nguyễn Hoàng Ng hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của chị Lương Thị Tuyết X về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Tuyết X phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009184 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Lương Thị Tuyết X đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Tt;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận